

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2019

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/2019/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận
Bản công bố sản phẩm của

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Sữa VITADAIRY Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Empire, Số 26 - 28 Hàm Nghi, P. Bến Nghé,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0983720908

Cho sản phẩm: **THỰC PHẨM DÙNG CHO CHẾ ĐỘ ĂN ĐẶC BIỆT GLUVITA
GOLD**

Do **Nhà máy VITADAIRY Bình Dương**

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, KCN Mỹ Phước 3, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 07:2019/VITADAIRYBD đính kèm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;



Nguyễn Văn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07:2019/VITADAIRY

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Empire, Số 26-28 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0983720908

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3702652869

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000405/2018/ATTP-CNĐK

Ngày cấp: 26/06/2018

Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm - BYT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt **GluVita Gold.**

2. Thành phần:

Soy protein, Đạm sữa, Dầu thực vật, Polyols, Palatinose (Isomaltulose), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/ Inulin), Fructose, Khoáng chất (Canxi, Kali, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng), Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin), Lutein, Choline, Taurine, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Sử dụng tốt nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Chất liệu bao bì:

Lon/túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh

45g; 50g; 90g; 100g;

200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;

450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;

750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Hàm lượng kim loại nặng phù hợp với **QCVN 8-2: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Độ tổ vi nấm phù hợp với **QCVN 8-1: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độ tổ vi nấm trong thực phẩm.
- Các chỉ tiêu vi sinh vật phù hợp với **QĐ 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số **07:2019/VITADAIRYBD** đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà





BỐI TRƯỜNG SỬ DỤNG

Người dài tháo đường và tiền đái tháo đường.
Người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường.
Lứa trẻ: Không dùng cho trẻ em dưới 2 tuổi. Không dùng cho người bệnh Galactosemia.

CÔNG DỤNG

Gluvita Gold bổ sung năng lượng và các dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Sản phẩm cung cấp một chế độ ăn cân đối lành mạnh, giúp kiểm soát và ổn định đường huyết cho người bị đái tháo đường hoặc tiền đái tháo đường.

Gluvita Gold rất dễ tiêu hóa, đặc biệt được bổ sung các thành phần giúp bảo vệ hệ tim mạch và thị lực.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Pha 6 muỗng gạt (50g) với 200ml nước chín ấm sẽ được 1 ly khoảng 235ml.



Ngày uống 2-3 ly hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

BAO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon đã mở phải được đóng kín và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Số đăng ký sản phẩm:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Empire số 26-28 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Website: www.vitadairy.vn
Sản xuất tại: **NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B-1B-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.



Gluvita[®]

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG, TIỀN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG



Chứng nhận lâm sàng *
Chỉ số ĐƯỜNG HUYẾT THẤP
GI = 33

Khối lượng tịnh

NGUYÊN LIỆU CHÍNH NHẬP KHẨU TỪ MỸ

(*) Nghiên cứu thực hiện bởi VIỆN DINH DƯỠNG QUỐC GIA



NSX và HSD: Xem dưới đáy lon

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 07:2019/VITADAIRYBD

Tên sản phẩm: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt **Gluvita Gold**

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Bột mịn, tơi, không vón cục.

Màu sắc: Trắng đến vàng nhạt.

Mùi, vị: Mùi thơm của sữa, không có mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi vị lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị đắng, khét.

1.2. Các chỉ tiêu lý hoá:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị ghi nhãn trong 100g sản phẩm dạng bột	Tiêu chuẩn trong 100g sản phẩm dạng bột	Ghi chú
1.	Năng lượng	Kcal	422	>295.4	
2.	Protein	g	20	>14	
3.	Chất béo	g	16	>11.2	
4.	PUFA	g	3.2	>2.24	
5.	MUFA	g	7.1	>4.97	
6.	Palatinose	g	10	>7	
7.	Polyols	g	12	>8.4	
8.	Fructose	g	3	>2.1	
9.	Carbohydrate khác	g	27	>18.9	
10.	Choline	mg	52	>36.4	
11.	Taurine	mg	46	>32.2	
12.	Lutein	mg	3	>2.1	
13.	FOS/ Inulin	g	4	>2.8	
14.	Natri	mg	211	>147.7	
15.	Kali	mg	377	>263.9	
16.	Canxi	mg	420	>294	
17.	Photpho	mg	267	>186.9	
18.	Clorid	mg	324	>226.8	
19.	Magie	mg	88.4	>61.88	
20.	Sắt	mg	8.9	>6.23	
21.	Kẽm	mg	6.8	>4.76	

22.	Đồng	µg	185	>129.5	
23.	Vitamin A	IU	3250	>2275	
24.	Vitamin D3	IU	618	>432.6	
25.	Vitamin E	mg	4	>2.8	
26.	Vitamin K1	µg	41	>28.7	
27.	Vitamin C	mg	89	>62.3	
28.	Vitamin B1	mg	1.9	>1.33	
29.	Vitamin B2	mg	1.1	>0.77	
30.	Vitamin B6	mg	1.5	>1.05	
31.	Vitamin B12	µg	3.5	>2.45	
32.	Axit Pantothenic	mg	3.8	>2.66	
33.	Axit Folic	µg	296	>207.2	
34.	Biotin	µg	90	>63	
35.	Âm	g		≤5	

2. Yêu cầu về an toàn

2.1. Chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2.	Coliforms	CFU/g	10
3.	E.Coli	CFU/g	KPH
4.	S.aureus	CFU/g	3
5.	Cl. Perfringens	CFU/g	10
6.	Salmonella	CFU/25g	KPH
7.	B.Cereus	CFU/g	10

(Các chỉ tiêu vi sinh vật phù hợp với **QĐ 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

2.2. Hàm lượng kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Cadimi	mg/kg	1
2.	Chì	mg/kg	3
3.	Thủy ngân	mg/kg	0.1
4.	Thiếc	mg/kg	250

(Hàm lượng kim loại nặng phù hợp với **QCVN 8-2: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

2.3. Độc tố vi nấm và các chất nhiễm bẩn

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2.	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4

3.	Ochratoxin A	µg/kg	3
4.	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5.	Zearalenone	µg/kg	75

(Độc tố vi nấm phù hợp với **QCVN 8-1: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)

3. Thành phần cấu tạo:

Soy protein, Đạm sữa, Dầu thực vật, Polyols, Palatinose (Isomaltulose), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/ Inulin), Fructose, Khoáng chất (Canxi, Kali, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng), Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin), Lutein, Choline, Taurine, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

4. Thời hạn sử dụng

Sử dụng tốt nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/trên bao bì.

5. Đối tượng sử dụng

Người đái tháo đường và tiền đái tháo đường.

Người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường.

Lưu ý: không dùng cho trẻ em dưới 2 tuổi. Không dùng cho người bệnh Galactosemia.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha 6 muỗng gạt (50g) với 200ml nước chín ấm sẽ được 1 ly khoảng 235ml.

Ngày uống 2-3 ly hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

7. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon/ túi đã mở phải được đóng kín và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

8. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Chất liệu bao bì:

Lon/túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

Quy cách đóng gói:

45g; 50g; 90g; 100g;

200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;

450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;

750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.

9. Biện pháp phân biệt thật giả

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo của công ty và số đăng kí chất lượng.



10. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm

Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM.

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Empire, số 26-28 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà



/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 22140.20



Tên khách hàng : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM TẠI BÌNH DƯƠNG - NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ : LÔ B-1B-CN, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 3, PHƯỜNG CHÁNH PHÚ HÒA, THỊ XÃ BÈN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Tên mẫu : GLUVITA GOLD
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 lon x 400 g
Ngày nhận mẫu : 28/10/2020
Người gửi mẫu : Trần Thùy Linh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	30/10/2020
2	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/10/2020
3	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	29/10/2020
4	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	29/10/2020
5	Ochratoxin A	HD.PP.17-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	29/10/2020
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	1,0 x 10 ² CFU /g	29/10/2020
7	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 10 CFU /g	29/10/2020
8	Bacillus cereus	HD.PP.04.01/TT.VS (AOAC 980.31) (b) (d)	< 10 CFU /g	29/10/2020
9	Clostridium perfringens	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 10 CFU /g	29/10/2020
10	Salmonella spp.	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	29/10/2020

Mã số mẫu: 22140.20

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Mẫu đựng trong lon kim loại kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 22/10/2020 4E09EB5F90794ABE - HSD: 22/10/2022.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

06-11-2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

